

27. XÃ TAM GIANG

Đơn vị tính: 1.000đ/m

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Ấp Vinh Hoa	Ranh đất ông Khánh	Hết ranh đất ông Út Huỳnh	29
2	Ấp Vinh Hoa	Ranh đất ông Vịnh	Cầu nhà bà Chín Thành	20
3	Ấp Kinh Ba	Khu dân cư	Hết ranh đất ông Phên (Kênh Ba)	39
4	Ấp Kinh Ba	Ranh đất ông Hồng	Vàm Cái Nước (Hết ranh đất ông Sáu Nghĩa)	20
5	Ấp Kinh Ba	Hết ranh đất ông Phên	Rạch Xẻo Bá (Hết ranh đất ông Út Hâu)	20
6	Ấp Hố Gù	Cụm quy hoạch - tái định cư dân cư Hố Gù 1,2		42
7	Ấp Hố Gù	Cụm quy hoạch - tái định cư khu 1 ấp Hố Gù		27
8	Ấp Bỏ Hủ	Cụm quy hoạch dân cư Vàm Cái Nước	Khu dự án CWPĐ	23
9	Ấp Bỏ Hủ	Khu tái định cư Bỏ Hủ Lớn	Bỏ Hủ	25
10	Ấp Kinh Ba	Rạch Xẻo Bá (Ranh đất ông Lung)	Hết ranh đất ông Luyến	20
11	Ấp Mai Vinh	Ranh đất ông Lê A	Hết ranh đất ông Ba Giảng	20
12	Xã Tam Giang	Ranh đất ông Lam Phương	Hết ranh đất ông Dòn	89
13	Xã Tam Giang	Ngã tư chợ	Hết ranh đất ông Khôi	61
14	Xã Tam Giang	Ranh đất ông Tư Giang	Hết ranh Đồn Biên Phòng 672	54
15	Xã Tam Giang	Hết ranh Đồn Biên phòng 672	Trạm y tế xã	54
16	Xã Tam Giang	Hết ranh Trạm y tế xã	Kênh 1	46

Đơn vị tính: 1.000đ/m

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2026
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
17	Xã Tam Giang	Ranh đất ông Sét	Hết ranh đất ông Bảy Hui	39
18	Xã Tam Giang	Ranh đất ông Khẩn	Hết ranh đất ông Thành	67
19	Xã Tam Giang	Hết ranh Trường tiểu học 1	Kênh Bỏ Bầu (Lộ sau UBND xã)	20
20	Xã Tam Giang	Ranh đất bà Đào	Hết ranh đất ông Sơn	54
21	Xã Tam Giang	Ranh đất ông Lân	Hết ranh đất Trại giống Út Quang	27
22	Xã Tam Giang	Trường tiểu học 184 (Ranh đất ông Vũ)	Hết ranh Phân Trường 184	51
23	Xã Tam Giang	Hết ranh Phân trường 184	Rạch Cái Nhám Nhỏ	54
24	Xã Tam Giang	Rạch Cái Nhám Nhỏ	Kênh Cây Mắm	27
25	Xã Tam Giang	Giáp ranh Trường cấp 2	Hết ranh đất ông Hai Nhị	54
26	Xã Tam Giang	Bến phà Kinh 17	Cầu Bỏ Bầu	126
27	Xã Tam Giang	Kênh Ông Đơn	Hết ranh đất ông Hai Nhị	20
28	Xã Tam Giang	Cầu Bỏ Bầu	Bến phà Tam Giang III	39
29	Xã Hiệp Tùng	Trụ sở UBND xã Hiệp Tùng	Cây xăng Xuân Thao	90
30	Xã Hiệp Tùng	Cây xăng Xuân Thao	Hết ranh hàng đáy ông Bảy Hoài (Số 1)	46
31	Xã Hiệp Tùng	Vàm Cái Ngay	Kênh Cá Chốt	21
32	Xã Hiệp Tùng	Vàm kênh Năm Sâu	Hết ranh trụ sở UBND xã	75
33	Xã Hiệp Tùng	Vàm kênh Năm Sâu	Trường THCS Hiệp Tùng	20
34	Xã Hiệp Tùng	Hết ranh Trường THCS Hiệp Tùng	Cầu kênh Năm Cạn	20

Đơn vị tính: 1.000đ/m		Đoạn đường			Giá đất năm 2026
STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
35	Kênh Năm Cạn	Cầu Kênh Năm Cạn	Cầu Nàng Kèo		20
36	Xóm Lung	Cầu Xóm Lung	Ranh đất ông Hận		20
37	Xã Hiệp Tùng	Hết ranh hàng ông Bảy Hoài (số 1)	Cầu Kênh Xảo Lũy		46
38	Xã Hiệp Tùng	Cầu Kênh Xảo Lũy	Hàng đầu Út Ngoan		46
39	Xã Hiệp Tùng	Cầu Kênh 5	Nhà ông Mười Tài		20
40	Xã Hiệp Tùng	Cầu Kênh 5	Cầu Rạch Nàng Kèo		20
41	Xã Hiệp Tùng	Cầu Kênh 5	Cầu Cự chiến binh		20
42	Xã Hiệp Tùng	Đầu K3	Nhà ông Đỗ Hoàng Ngon		20
43	Ấp 7B, ấp Hiệp Tùng	Cầu Kênh 5	Cầu Kênh 3		39
44	Ấp 7B	Cầu Kênh 5	Cầu Kênh 3		20
45	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $\leq 2m$				22
46	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng từ $> 2m$ đến $\leq 3m$				25
47	Các tuyến đường còn lại đã hoàn thiện hạ tầng có chiều rộng $> 3m$				35
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ			20
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ			18